

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/01/2022

V/v “Ly hôn giữa bà N và ông T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hải

2. Bà Trần Thị Ngọc Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Nhã– Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N sinh năm: 1984;

Địa chỉ: ấp B, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Hồng T, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp H, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bà N và ông T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2021, Bản tự khai, Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 06/01/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú N, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 08/10/2003 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên càng về sau cuộc sống vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến năm 2008, bà và ông T không thể hàn gắn được nữa nên bà và ông T sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Anh T sinh ngày 11/02/2004. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/12/2021, bị đơn ông Đoàn Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà N

Về con chung: ông đồng ý với nguyện vọng của con chung là cháu Đoàn Nguyễn Anh T sinh ngày 11/02/2004, nếu cháu T có nguyện vọng sống với cha hoặc mẹ thì ông sẽ thực hiện theo nguyện vọng của con. Ông đồng ý với yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con của bà N.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông. Ông cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị ghi nhận bà N và ông T thuận tình ly hôn. Về con chung: giao con chung là cháu Đoàn Nguyễn Anh T sinh ngày 11/02/2004 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện bị đơn ông Đoàn Hồng T. Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đoàn Hồng T là tranh chấp về ly hôn. Hiện nay, ông T đang cư trú tại xã Phú N, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N và bị đơn ông Đoàn Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã Phú N, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/10/2003 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà N, sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên càng về sau cuộc sống vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến năm 2008, bà

và ông T không thể hàn gắn được nữa nên đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/12/2021, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà N và ông T thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống bà N và ông T có 01 con chung tên Đoàn Nguyễn Anh T sinh ngày 11/02/2004. Bà N có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, tại biên bản hỏi ý kiến con trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 27/12/2021, cháu Đoàn Nguyễn Anh T có nguyện vọng được sống với mẹ, ông T cũng đồng ý việc nuôi con chung sau khi ly hôn sẽ theo nguyện vọng của cháu T. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Đoàn Nguyễn Anh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà N phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Đoàn Hồng T.

2. Về con chung: giao con chung là cháu Đoàn Nguyễn Anh T sinh ngày 11/02/2004 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà N và ông T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0002682 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã Phú N.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương